

BÁO CÁO

V/v tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2022

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách năm 2022; công văn số 4880 /BKHD-T-TH ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; công văn số 4881/BKHD-T-TH ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022. Trên cơ sở dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam trân trọng báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Hà Nam, với một số nội dung chủ yếu sau:

Phần I: Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021.

1. Tình hình giao kế hoạch vốn năm 2021.

* Kế hoạch Trung ương giao tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021: **2.343.973 triệu đồng**.

* Tổng số vốn địa phương đã giao kế hoạch năm 2021: **2.932.907 triệu đồng**, bằng 125,2% kế hoạch trung ương giao.

Cụ thể:

(1) Nguồn cân đối ngân sách: 2.191.190 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn tập trung trong nước: 511.928 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch TW giao.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 800.000 triệu đồng, bằng 114,2% kế hoạch TW giao.
- Vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết 17.000 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch TW giao.
- Vốn bồi chi ngân sách: 171.900 triệu đồng cho phân vốn vay lại các dự án ODA hỗn hợp, bằng 100% kế hoạch TW giao.

- Vốn đầu tư bổ sung ngoài kế hoạch: 690.362 triệu đồng (*trong đó: từ nguồn vượt thu năm 2020, 2021: 438.269 triệu đồng; vốn đầu tư do cấp huyện bổ sung: 252.093 triệu đồng*)

(2) Vốn NSTW: 741.717 triệu đồng

- Vốn trong nước: 581.562 triệu đồng (*trong đó: thu hồi ứng trước ngân sách TW 85.728 triệu đồng*), bằng 100% kế hoạch TW giao.

- Vốn nước ngoài: 160.155 triệu đồng bằng 44,3% kế hoạch TW giao (*TW giao 361.583 triệu đồng*). Nguyên nhân chưa giao hết kế hoạch vốn là do dự án Tăng cường môi trường đầu tư tỉnh Hà Nam dự kiến bố trí kế hoạch 2021: 201.428 triệu đồng, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các chuyên gia nước ngoài không vào Việt Nam được để hoàn thiện dự án, đàm phán ký kết hiệp định cho nên chưa giao được kế hoạch vốn 2021.

Việc phân bổ vốn đầu tư được tỉnh thực hiện theo đúng các Quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành Trung ương.

2. Tình hình giải ngân năm 2021 đến 31/7/2021.

Vốn kế hoạch năm 2021 giải ngân đến 31/7/2021 đạt 1.860.369 triệu đồng bằng 63,4% kế hoạch vốn tỉnh giao, 79,3% vốn trung ương giao, trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương: 1.567.042 triệu đồng, bằng 71,5% kế hoạch vốn đã giao (*trong đó vốn ngân sách tỉnh: 213.037 triệu đồng; ngân sách huyện, xã: 846.921 triệu đồng; vốn bổ sung ngoài kế hoạch: 507.084 triệu đồng*).

- Vốn chương trình mục tiêu (*vốn trong nước*): 241.617 triệu đồng, bằng 41,5% kế hoạch vốn đã giao (*trong đó thu hồi ứng 85.728 triệu đồng*).

- Vốn nước ngoài (*cấp phát*): 51.710 triệu đồng, bằng 32,3% kế hoạch vốn đã giao.

3. Các giải pháp điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022.

Thành lập Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của Ủy ban nhân dân tỉnh để đôn đốc, kiểm tra, giám sát, xử lý các điểm nghẽn trong giải ngân vốn đầu tư công;

Tổ chức giao ban định kỳ hằng tuần với các Sở, ban, ngành, các chủ đầu tư về tình hình thực hiện các dự án, giải ngân kế hoạch đầu tư công. Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân có liên quan trong trường hợp không hoàn thành kế hoạch giải ngân theo tiến độ đề ra; Kiên quyết chống trì trệ, xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực trong đầu tư công; Xử lý nghiêm các trường hợp nhà thầu vi phạm tiến độ hợp đồng.

Phần II. Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ văn bản số 419/TTg-KHTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn NSTW tỉnh Hà Nam.

Theo báo cáo số 109/BC-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Hà Nam V/v kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn NSTW.

Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

A. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022: 4.942.809 triệu đồng.

Trong đó:

1. Vốn đầu tư trong cân đối NS địa phương:	3.396.920 triệu đồng.
1.1. Vốn tập trung trong nước	563.121 triệu đồng.
1.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:	2.755.554 triệu đồng.
1.3. Vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT:	27.000 triệu đồng.
1.4. Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (<i>vay lại Chính phủ vốn vay nước ngoài</i>):	51.245 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu	1.545.889 triệu đồng.
2.1. Vốn trong nước	1.516.320 triệu đồng
2.2. Vốn nước ngoài (<i>cấp phát</i>):	29.569 triệu đồng

B. Phân chia vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho ngân sách các cấp

I. Tỉnh quản lý: 2.540.234 triệu đồng.

Trong đó:

1. Vốn đầu tư trong cân đối	994.345 triệu đồng.
- Vốn tập trung trong nước :	394.185 triệu đồng
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:	521.915 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT:	27.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (<i>vay lại Chính phủ vốn vay nước ngoài</i>):	51.245 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách TW bổ sung có mục tiêu :	1.545.889 triệu đồng.
II. Cấp huyện, cấp xã quản lý:	2.402.575 triệu đồng.
1. Vốn ngân sách tập trung phân cấp	168.936 triệu đồng.
2. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:	2.233.639 triệu đồng.

C. Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022 do tỉnh quản lý

I. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2021.

Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Hà Nam.

II. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn NSNN do tỉnh quản lý: 2.540.234 triệu đồng

1. Vốn cân đối ngân sách:	994.345 triệu đồng
- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới:	80.000 triệu đồng.
- Bố trí các dự án đầu tư:	863.100 triệu đồng.

Trong đó:

- + Bố trí đối ứng ODA: 3 dự án số vốn 43 tỷ đồng
- + Bố trí 29 dự án hoàn thành đã quyết toán số vốn 88,869 tỷ đồng, 14 dự án hoàn thành chưa quyết toán số vốn 158,224 tỷ đồng.
- + Bố trí 27 dự án chuyển tiếp số vốn 348,687 tỷ đồng, trong đó hoàn ứng 9,408 tỷ đồng.
- + Bố trí 18 dự án khởi công mới số vốn 217,5 tỷ đồng, trong đó hoàn ứng 5 tỷ đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương (<i>Bố trí vốn vay lại cho các dự án ODA</i>)	51.245 triệu đồng.
--	--------------------

2. Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu:	1.545.889 triệu đồng.
--	------------------------------

2.1. Vốn trong nước	1.516.320 triệu đồng
- Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững:	900.000 triệu đồng

Trong đó:

- + Dự án đầu tư xây dựng cầu Tân Lang và tuyến đường liên kết vùng, nối từ đường nối vành đai 4 - vành đai 5 qua QL.38 đến đường QL.21 huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam: 400.000 triệu đồng.
- + Các tuyến giao thông đối ngoại kết nối Quốc lộ 1 A, Quốc lộ 21 A, đường Ba Sao - Bãi Đính (*thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam*) : 500.000 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án theo ngành, lĩnh vực:	616.320 triệu đồng
--	--------------------

Trong đó:

- + 03 dự án hoàn thành: 30.000 triệu đồng (*hoàn ứng NSTW: 30.000 triệu đồng*).
- + 07 dự án chuyển tiếp: 186.320 triệu đồng.
- + 9 dự án khởi công mới: 400.000 triệu đồng.

2.2. Vốn nước ngoài (*cấp phát*): 29.569 triệu đồng

Bố trí cho Dự án phát triển đô thị Phủ Lý (phần bổ sung): 29.569 triệu đồng.

3. Danh mục các dự án đầu tư vốn ngân sách trung ương dự kiến kế hoạch năm 2022

(Phân bổ cho các dự án đầu tư nguồn ngân sách trung ương vốn trong nước; vốn nước ngoài - Chi tiết theo biểu kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ. ~~TH~~

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- VPUB: LĐVP, TH;
- Lưu VT, KT

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Quốc Huy

**ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VÀ
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo văn bản số **137** /BC-UBND ngày **27** tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2021			Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Dự kiến kế hoạch năm 2022	Trong đó		Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021	Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021				Tỉnh quản lý	Cấp huyện, cấp xã quản lý	
	TỔNG SỐ	2.680.814	1.782.145	2.606.505	24.103.895	4.942.809	4.942.809	2.540.234	2.402.575	
1	Vốn NSNN	2.680.814	1.782.145	2.606.505	24.103.895	4.942.809	4.942.809	2.540.234	2.402.575	
	<i>Trong đó:</i>									
a)	Vốn ngân sách địa phương	1.939.097	1.488.818	1.892.283	18.562.700	3.396.920	3.396.920	994.345	2.402.575	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)	511.928	355.000	511.928	2.885.700	563.121	563.121	394.185	168.936	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	800.000	645.000	800.000	14.162.918	2.755.554	2.755.554	521.915	2.233.639	
-	Xổ số kiến thiết	17.000	17.000	17.000	150.000	27.000	27.000	27.000		
-	Bội chi ngân sách địa phương	171.900	37.818	125.086	925.813	51.245	51.245	51.245		
-	Vốn đầu tư địa phương giao bổ sung	438.269	434.000	438.269	438.269		0			
b)	Vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương	741.717	293.327	714.222	5.541.195	1.545.889	1.545.889	1.545.889	0	
-	Vốn trong nước	581.562	241.617	581.562	3.601.828	1.516.320	1.516.320	1.516.320		
-	Vốn nước ngoài	160.155	51.710	132.660	1.939.367	29.569	29.569	29.569		
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật				0		0			

Biểu mẫu II

**CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2021
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2022**

(Kèm theo văn bản số **137** /BC-UBND ngày **27** tháng **8** năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW				
														Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)																
	TỔNG SỐ					11.653.039	5.498.138	650.562	581.562	270.100	241.617	650.562	581.562	4.000.704	2.595.663	3.601.828	115.728	0	1.516.320	30.000	0
A	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					240.000	70.000	22.000	10.000	22.000	10.000	22.000	10.000	156.729	70.000	10.000	0	0	0	0	0
II	Thực hiện dự án																				
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																				
b	Dự án nhóm B																				
1	Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu giai đoạn II Khu Đại học Nam Cao	Duy Tiên, Phú Lý	Trục 1 L=4,05Km; Trục 2 c L=1,72Km; Trục 3 L=1,72Km	2016-2021	1372/QĐ-UBND ngày 18/7/2019; 271/UBND-GTXD ngày 29/01/2021	240.000	70.000	22.000	10.000	22.000	10.000	22.000	10.000	156.729	70.000	10.000	0	0			
B	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					185.885	100.000	28.680	28.680	3.766	3.766	28.680	28.680	113.680	58.680	70.000	0	0	41.320	0	0
II	Thực hiện dự án																				
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022																				
b	Dự án nhóm B																				
1	Dự án cải tạo, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phù Lý	Quy mô 150 giường bệnh với diện tích 9.830m2 sân	2019-2022	2253/QĐ-UBND 03/11/2020	123.338	70.000	20.000	20.000	3.766	3.766	20.000	20.000	80.000	40.000	50.000	0	0	30.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW					
														Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
2	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	Phù Lý	Xây mới khoa khám bệnh và khoa cận lâm sàng với diện tích 2.300m2	2019-2022	2252/QĐ-UBND 3/11/2020	62.547	30.000	8.680	8.680	0	0	8.680	8.680	33.680	18.680	20.000	0	0	11.320			
C	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN					2.315.389	1.614.658	154.523	136.523	114.256	112.773	154.523	136.523	715.994	643.370	830.469	75.728	0	260.000	30.000	0	
II	Thực hiện dự án																					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021																					
b	Dự án nhóm B																					
1	Tu bổ nâng cấp hệ thống mô hàn Nguyên Lý và hệ thống kê mô hàn Chương Xá thuộc huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam	Lý Nhân	Tu bổ nâng cấp 10 mô hàn trong hệ thống Nguyên Lý và Chương Xá, gia cố 787m kê lát mái	2011-2020	1090/QĐ-UBND ngày 8/9/2011	159.835	143.820	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	159.150	144.150	15.000	15.000	0	0	0	0	
2	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Phú Phúc	Lý Nhân	Công trình đường giao thông dài 5,7 km; hạ tầng khu trong đê 21,9 ha; hạ tầng khu ngoài đê 18,5ha	2016-2020	1225/QĐ-UBND ngày 21/10/2015, 1836/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	85.519	56.662	17.979	17.979	17.891	17.891	17.979	17.979	54.829	54.829	17.979	0	0	0	0	0	
3	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở đê Hữu sông Hồng từ km 141,14 đến km 143,74	Lý Nhân	2,6 km	2011	932/QĐ-UBND ngày 03/8/2011	70.319	63.287	0	0	0	0	0	0	58.287	58.287	5.000	5.000	0	5.000	5.000	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW				
														Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)																		
4	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn từ mô 2 đến mô 3, từ mô 5 kè Nguyên Lý đến đầu kè lát mái Chương Xá và đoạn từ mô hàn số 4 kè Chương Xá đến hết kè Vũ Điện, huyện Lý Nhân	Lý Nhân	3.250,8m	2011-2013	1270a/QĐ-UBND ngày 21/10/2011	175.030	163.635	0	0	0	0	0	0	160.000	160.000	15.000	15.000	0	15.000	15.000	0
5	Cải tạo, nâng cấp đê bồi Chuyên Ngoại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Duy Tiên	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê bồi Chuyên Ngoại tương ứng từ K125+730 đến k129+300 đê hữu sông Hồng, L=3,6km	2020-2021	1251/QĐ-UBND ngày 21/10/2015;157/QĐ-UBND ngày 21/6/2019; 805/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	194.489	161.540	21.854	21.854	19.186	19.186	21.854	21.854	31.854	21.854	21.854	0	0	0	0	0
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Mộc Nam huyện Duy Tiên	Duy Tiên	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp IV	2016-2020	1676/QĐ-UBND ngày 24/10/2016, 1154/QĐ-UBND ngày 21/6/2019	102.295	10.000	3.000	3.000	2.366	2.366	3.000	3.000	10.000	10.000	3.000	0	0	0	0	0
7	Xử lý khẩn cấp chống sạt lở kè, đê bao bảo vệ bồi, đê hữu Hồng thuộc xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân (Giai đoạn I)	Lý Nhân	Xây dựng kè lát mái hộ bờ dài 1,5km, nâng cấp cải tạo đê bao xã Phú Phúc dài 12,6km	2013-2018	476/QĐ-UBND ngày 08/5/2013	219.268	219.268	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	72.050	61.750	30.000	30.000	0	10.000	10.000	0
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																				
b	Dự án nhóm B																				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW					
														Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	Nạo vét, KCH kênh tiêu KN12A, KT10, KB8, KB4, Trạm bơm Nhâm Trảng, Cổ Đàm	Thanh Liêm	Đảm bảo nước tưới cho 4.798 ha đất nông nghiệp, kênh KT10 dài 1,6 km; kênh KB8 dài 2 km; kênh KN12A dài 6,2 km	2019-2022	Số 1307/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Số 2237/QĐ-UBND ngày 02/11/2020	173.769	100.000	20.000	15.000	14.300	14.300	20.000	15.000	43.000	30.000	85.000	0	0	70.000		
2	Xử lý khẩn cấp chống sạt lở, cải tạo nâng cấp kênh l4-4 và một số công trình tưới tiêu trên địa bàn huyện Duy tiên, tỉnh Hà Nam	Duy Tiên	Kiên cố hóa kênh kết hợp giao thông với tổng chiều dài kênh nạo vét, kiên cố hóa và nâng cấp đường dài 19,2 km	2012-2021	475/QĐ-UBND ngày 8/5/2013;265 4/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, 75/UBND-NN&PTNT ngày 11/01/2021	275.981	77.500	28.690	28.690	23.618	23.618	28.690	28.690	77.500	77.500	28.690	10.728	0			
3	Nạo vét, gia cố kênh dẫn trạm bơm Đình Xá thành phố Phú Lý	Phù Lý	Đảm bảo tưới tiêu cho 1630 ha đất tự nhiên	2019-2022	1128/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 2362/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	80.342	50.000	20.000	15.000	412	412	20.000	15.000	38.424	25.000	40.000	0	0	25.000		
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2022																				
b	Dự án nhóm B																				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW				
														Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	Dự án Nạo vét, kiên cố hóa kênh A3-4 kết hợp làm đường giao thông thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam	Phù Lý, Kim Bảng	Nạo vét, kiên cố hóa toàn bộ tuyến kênh chiều dài dự kiến 4,8km, kết hợp củng cố hóa mặt đường bờ kênh theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn	2021-2024	2372/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	91.000	56.000	2.000	0	748	0	2.000	0	2.200	0	56.000	0	0	20.000		
2	Dự án Nạo vét, kiên cố hóa kênh BH8 tỉnh Hà Nam	Phù Lý, Thanh Liêm	Kiên cố hóa kênh BH8 với chiều dài 6,257km; cải tạo, nâng cấp 26 cống nhánh trên bờ kênh	2021-2024	20/NQ-HĐND ngày 10/6/2020	80.497	60.000	0	0	0	0	0	0	300	0	60.000	0	0	20.000		
3	Cải tạo, kiên cố hóa kênh Chính Tây và kênh CT9 huyện Bình Lục	Bình Lục	Gồm kênh Chính Tây dài 6,25km; kênh CT9 dài 4,3km	2022-2025	24/NQ-HĐND ngày 10/6/2020, 25/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	95.708	80.000	0	0	0	0	0	0	600	0	80.000	0	0	20.000		
4	Cải tạo, nâng cấp kiên cố hóa kênh CG5 huyện Bình Lục	Bình Lục	Kiên cố hóa tuyến kênh CG5 dài 2,29km; kênh CG5-1 dài 1,65km; kênh CG5-2 dài 2,15km	2021-2024	23/NQ-HĐND ngày 10/6/2020, 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	154613	112.946	2.000	0	735	0	2.000	0	2.500	0	112.946	0	0	25.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW						
														Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số
5	Nạo vét, kiên cố hóa kênh, kết hợp cải tạo, nâng cấp đường bờ kênh Tân Hòa thuộc địa phận 2 xã Tiểu Động, An Lão huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Bình Lục	Nạo vét gia cố toàn bộ tuyến kênh dài 5,18km	2021-2024	27/NQ-HĐND ngày 10/6/2020, 24/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	169.999	120.000	2.000	0	0	0	2.000	0	2.700	0	120.000	0	0	25.000			
6	Cải tạo, nâng cấp, kiên cố hóa kênh CG2, CG4 huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.	Lý Nhân	Nạo vét kiên cố hóa kênh CG2 có chiều dài 4,252km; kênh CG4 có chiều dài 4,472km	2021-2023	05/NQ-HĐND ngày 25/3/2020, 27/NQ-HĐND ngày 13/7/2021	186.724	140.000	2.000	0	0	0	2.000	0	2.600	0	140.000	0	0	25.000			
D	GIAO THÔNG					2.945.420	1.920.000	101.000	62.000	40.078	25.078	101.000	62.000	331.476	134.813	1.842.000	0	0	710.000	0	0	
I	Thực hiện dự án																					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021																					
b	Dự án nhóm B																					
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Văn Xá đi Lê Hồ	Kim Bảng	Cấp IV đồng bằng	2016-2020	1630/QĐ-UBND ngày 18/10/2016;1944/QĐ-UBND ngày 18/9/2019	80.106	30.000	11.000	11.000	10.078	10.078	11.000	11.000	25.100	25.000	11.000	0	0				
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																					
b	Dự án nhóm B																					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
																Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW			
															Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	Dự án đường Lê Công Thanh giai đoạn III	Phủ Lý, Duy Tiên	D1 với chiều dài 7,56km với Bm=68m, tuyến N1 với chiều dài 2,10 km, với Bm=42m.	2019-2022	458/QĐ-UBND ngày 18/4/2021, 2238/QĐ-UBND ngày 30/11/2018, 2280/QĐ-UBND ngày 6/11/2020	250.000	70.000	45.000	15.000	30.000	15.000	45.000	15.000	228.863	45.000	40.000	0	0	25.000			
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 492 đoạn từ Đập Phúc (km4) đến ngã ba Cánh Diễm (km13) trên địa bàn huyện Lý Nhân	Lý Nhân	Cấp V đồng bằng	2019-2020	457/QĐ-UBND ngày 25/3/2016; 2216/QĐ-UBND ngày 24/10/2019; 911/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	80.184	35.000	20.000	20.000	0	0	20.000	20.000	34.813	34.813	20.000	0	0				
3	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.04 huyện Bình Lục	Bình Lục	Cấp V đồng bằng	2019-2022	1161/QĐ-UBND ngày 21/6/2019; 2254/QĐ-UBND ngày 3/11/2020	80.130	45.000	16.000	11.000	0	0	16.000	11.000	33.100	25.000	31.000	0	0	20.000			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2022																					
b	Dự án nhóm B																					
1	Dự án ĐTXD tuyến đường trục vành đai kinh tế T4 (từ đoạn giao QL21 đến đường ĐT.499B), huyện Thanh Liêm	Thanh Liêm	3,83Km	2021-2024	2370/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	360.000	200.000	2.000	0	0	0	2.000	0	2.600	0	200.000	0	0	100.000			

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2021								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2021		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2022			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/7/2021		Ước giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/12/2021											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW				
																Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:
1	Dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam	Kim Bảng	Diện tích sử dụng đất 866,76 ha	2009-2022	927/QĐ-UBND ngày 11/6/2018; 500/QĐ-UBND ngày 25/3/2019; 2720/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	5.592.920	1.603.800	277.000	277.000	50.000	50.000	277.000	277.000	2.582.725	1.603.800	777.000	0	0	500.000				
-	Trong đó: Các tuyến giao thông đối ngoại kết nối Quốc lộ 1 A, Quốc lộ 21 A, đường Ba Sao -Bãi Đỉnh (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam)							227.000	227.000	0	0	227.000	227.000	227.000	227.000	727.000	0	0	500.000				
b	Dự án nhóm B																						
1	Hạ tầng khu du lịch chùa Bà Đanh	Kim Bảng	Tổng chiều dài tuyến 4,11km	2019-2022	2251/QĐ-UBND ngày 3/11/2020	93.886	50.000	27.359	27.359	0	0	27.359	27.359	60.100	45.000	32.359	0	0	5.000				
F	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐÔ THỊ					279.539	139.680	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	0	0	0	0	0	0
II	Thực hiện dự án																						
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021																						
a	Dự án nhóm B																						
1	Dự án các đô thị loại vừa - Tiểu dự án thành phố Phủ Lý	Phủ Lý		2012-2017	1218/QĐ-UBND 12/10/2011	279.539	139.680	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	0	0	0	0	0	0

197 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2022

(Kèm theo văn bản số 181 /BC-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư						Năm 2021												Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến KH năm 2022				Ghi chú					
			TMDT						Kế hoạch			Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/7/2021			Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 từ 1/1/2021 đến 31/12/2021			Trong đó:			Trong đó:													
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó:			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tinh bằng nguyên tệ			Trong đó:				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tinh bằng nguyên tệ	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tinh bằng nguyên tệ	Trong đó:		
							Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước							Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW								Vay lại								Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số
(1)	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	1684/QĐ-UBND ngày 26/10/2016; 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016	86.854	14.815	0		72.039	50.427	21.612	38.776	0	0	38.776	33	0	0	33	33.000	0	0	33.000	33.000	0	0	33.000	0	0	0	0					
III	Công trình công cộng tại các đô thị		3.722.312	659.772	33.000		3.062.540	1.970.221	1.092.320	79.114	0	0	79.114	13.387	0	0	13.387	57.395	0	0	57.395	1.825.764	0	0	1.825.764	0	0	0	29.569					
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022																																	
b	Dự án nhóm B																																	
(1)	Dự án phát triển đô thị Phú Lý (phần bổ sung)	số 409/QĐ-UBND ngày 29/3/2017	732.312	153.772	33.000	26 triệu USD	578.540	231.421	347.120	79.114	0	0	79.114	13.387	0	0	13.387	57.395	0	0	57.395	86.964	0	0	86.964				29.569					
4	Danh mục dự án khởi công mới năm 2022																																	
a	Dự án nhóm A																																	
(1)	Dự án Tăng cường môi trường đầu tư tỉnh Hà Nam	1697/QĐ-TTg ngày 03/11/2017; 143/QĐ-TTg ngày 21/1/2020	2.990.000	506.000	0	108 triệu USD	2.484.000	1.738.800	745.200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.738.800			1.738.800									